

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD5+PPD	7:25	5+17+0	0+0+0		2+18+2	0+0+0	chuyen 1 td3-td5
2		TD3+TD1	7:25	22+0	0+0		16+4	0+0	
3		P8+P4	9:25	12+8	0+0		10+12	0+0	
4		TD5+P8	9:25	21+0	0+0		14+8	0+0	
5		RP3+BK3+P2	11:25	10+5+7	0+0+0		9+4+9	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/10/2024	TO: TD3 - TD5 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LINH - SON - TOAN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	TD3	74	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG NGOC NGHIA	TD3	72	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
3	KHÔNG QUỐC HUNG	TD3	73	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN KY	TD3	75	1	4			90	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ TIẾN LỤC	TD3	71	1	6	6	100	66	KHOAN	Vietnamese
6	ZAKLADNYI R.	TD5	03	1	12			103	D-HANH	Russian
7	PHẠM VĂN DUY	TD5	20	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN HOANG LAM	TD5	17	1	9			71	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN DINH	TD5	18-19	2	15			80	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ QUỐC BAO	TD5	09	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN ĐỊNH	TD5	10	1	10			60	KHOAN	Vietnamese
12	NHŨ THANH TUYẾN	TD5	15-16	2	11			67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH CÔNG	TD5	02	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	12	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VIỆT PHƯƠNG	TD5	06-07	2	16			67	YTE	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HẠNH	TD5	13	1	7			90	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN SỸ LỆ	TD5	21-22	2	14			55	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT DŨNG	TD5	11	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
19	ĐO VĨNH CUÔNG	TD5	14	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
20	BUI TÂN BÌNH	TD5	04	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐẠT	TD5	05	1	3			55	KHOAN	Vietnamese
22	ĐẠO QUANG MINH	TD5	08	1	4			71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	5	353	5	26	6	100	2	1	CHUYEN 1 TD3-TD5
2	TD5	17	1.219	21	140	0	0	18		
3	PPD	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	1.572	26	166	6	100	22		
WEIGHT KG			1.572		166		100			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/10/2024	TO: TD3 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: N.ANH - NAM - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN TRUC TUYEN	TD3	29	1	11			64	KHOAN	Vietnamese
2	KOSHELEV PAVEL	TD3	40	1	5			89	KHOAN	Vietnamese
3	VO NGUYEN KHANG	TD3	26	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN DUY TAN	TD3	100	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
5	VU NGOC THANH	TD3	97-98	2	9			69	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM VIET DUNG	TD3	27	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
7	ĐANG HUY LONG	TD3	28	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
8	LE NGOC BINH	TD3	99	1	10			82	KHOAN	Vietnamese
9	PHUNG VAN XUYEN	TD3	37	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
10	THAI QUY UOC	TD3	39	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
11	LUU QUYET THANG	TD3	38	1	3	5	80	65	KHOAN	Vietnamese
12	ZHDANOV VLADIMIR	TD3	41	1	15			127	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN GIANG	TD3	44	1	5			73	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG LONG	TD3	45-46	2	19			69	DVL	Vietnamese
15	TRAN VIET HO	TD3	30	1	15			75	DVL	Vietnamese
16	LE VAN THANG	TD3	34	1	10			78	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN CHI LINH	TD3	31	1	9			80	DVL	Vietnamese
18	BAN PHUC LONG	TD3	32-33	2	19			75	DVL	Vietnamese
19	PHAN THANH TINH	TD3	35-36	2	19			62	DVL	Vietnamese
20	HO MINH PHUC	TD3	43	1	5			80	PSV	Vietnamese
21	LO TRUONG GIANG	TD3	42	1	5			80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

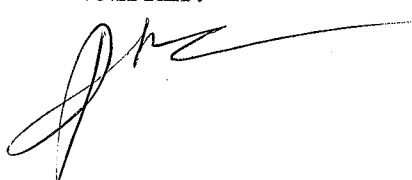
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	21	1.593	25	191	5	80	17		
2	TD1	0	0	0	0	1	20	4		
TOTAL		21	1.593	25	191	6	100	21		
WEIGHT KG			1.593		191		100			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/10/2024	TO: P8 - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LTUẤN - ĐNAM - DTÙNG	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	SUWAN KAEWTHUNG	P8	06-07	2	17	1	20	78	PVD BAKE	Thailand
2	WORAPOL SONSUKHON	P8	98,05	2	22			67	PVD BAKE	Thailand
3	BUI NGOC THAO	P8	96-97	2	24			69	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN VAN DU	P8	92-93	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM VAN LONG	P8	90-91	2	22			70	XAYLAP	Vietnamese
6	HA VAN ĐỨC	P8	88-89	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐOÀN	P8	87	1	19			66	XAYLAP	Vietnamese
8	NGÔ ĐÌNH THẮNG	P8	94-95	2	21			64	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NHẬT MINH	P8	10-11	2	15			84	XAYLAP	Vietnamese
10	VU TIEN DU	P8	08-09	2	12			66	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN THANH ANH	P8	13-14	2	12			63	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN QUYÊN	P4	69-70	2	14	1	23	70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	71	1	5	2	18	72	PSV	Vietnamese
14	VU VAN TIEN	P4	73	1	9			65	PSV	Vietnamese
15	TRẦN THANH LIÊM	P4	72	1	4			65	PSV	Vietnamese
16	BUI VAN MUOI	P4	74	1	8			57	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	75	1	6			63	PSV	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN (1991)	P4	77	1	3			67	PSV	Vietnamese
19	NGHIEM ANH VU	P4	67	1	4			69	PSV	Vietnamese
20	TRINH CONG SON	P4	76	1	5			87	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	11	753	21	197	1	20	10		
2	P4	9	615	10	58	3	41	12		
TOTAL		20	1.368	31	255	4	61	22		
WEIGHT KG			1.368		255		61			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/10/2024	TO: TD5 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: N.ANH - NAM - THU	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	RUBAYLO DENIS	TD5	69	1	9			115	KHOAN	Russian
2	TÔ QUANG ANH	TD5	56-57	2	7			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN LUẬN	TD5	53-54	2	15			70	DATAKAN	Vietnamese
4	PHẠM HUY THƯỜNG	TD5	64	1	11	4	80	86	DATAKAN	Vietnamese
5	ĐẠO VĂN DUNG	TD5	47	1	12			84	DATAKAN	Vietnamese
6	DODY JUNIZED BIN EDWARD	TD5	48-49	2	18			65	DATAKAN	Indonesian
7	ROZGON	TD5	68	1	7			95	D-HANH	Russian
8	LẠI ANH TUẤN	TD5	66-67	2	19			103	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ MINH HIỂU	TD5	51-52	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THẾ QUANG	TD5	50	1	12			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH LUẬN	TD5	62	1	10			59	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VIỆT HUAN	TD5	61	1	14			70	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ MINH TÙNG	TD5	65	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ VĂN TÌNH	TD5	34,42	2	20			64	ANTOAN	Vietnamese
15	NGÔ MINH PHƯƠNG	TD5	43-44	2	15			90	ANTOAN	Vietnamese
16	BUI NGOC ĐO	TD5	58-59	2	9			70	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NGHI	TD5	63	1	3			70	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THÔNG	TD5	55	1	8			65	PSV	Vietnamese
19	PHẠM PHU BÌNH	TD5	60	1	5			67	PSV	Vietnamese
20	TRẦN QUANG HUY	TD5	46	1	10			85	PSV	Vietnamese
21	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	45	1	5			82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	21	1.629	29	231	4	80	14		
2	P8	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		21	1.629	29	231	4	80	22		
WEIGHT KG			1.629		231		80			

GRAND TOAL: 1.940 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/10/2024	TO: RP3 - BK3 - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LTUẤN - ĐNAM - DTÙNG	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐẠNG QUANG MINH	RP3	39	1	12			72	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI TRỌNG NHAN	RP3	40-21	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN VINH	RP3	35-36	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẬU CAO QUYẾT	RP3	51-52	2	19			56	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐO LÊ SƠN	RP3	43-44	2	19			76	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ NGỌC HAI	RP3	50	1	5	2	20	66	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC THIÊN	RP3	37-38	2	16			66	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ MẠNH THĂNG	RP3	45-47	3	19			63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TUYỀN	RP3	41-42	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
10	VŨ VIỆT HOÀNG	RP3	20	1	12			58	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	BK3	80	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ HỒNG QUÂN	BK3	53-54	2	19			80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN QUY	BK3	55	1	9	2	24	79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN ANH	BK3	81	1	12			65	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HỘI	BK3	52	1	11			66	DVL	Vietnamese
16	TRẦN VIỆT BÌNH	P2	82	1	6			61	PSV	Vietnamese
17	PHẠM VĂN HIỆP	P2	80	1	7			73	PSV	Vietnamese
18	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG	P2	78	1	5			50	PSV	Vietnamese
19	PHẠM HỒNG VĂN	P2	77	1	5			70	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	76	1	5			51	PSV	Vietnamese
21	BUI THANH TÙNG	P2	79	1	9			65	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC SƠN	P2	81	1	5			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	10	669	18	159	2	20	9		
2	BK3	5	360	6	63	2	24	4		
3	P2	7	440	7	42	0	0	9		
TOTAL		22	1.469	31	264	4	44	22		
WEIGHT KG			1.469		264		44			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		TD1+BK3+CLO	7:25	7+3+12	0+0+0		6+0+16	0+0+0	
2		P9+TD1+VSP01	9:25	11+10+1	0+0+0		0+19+0	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/10/2024	TO: TD1 - BK8 - CLO	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LTUẤN - MTHAO -	ETA: 09:20
XANH-1		MQUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	98	1	2			72	KHOAN	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN NAM	TD1	95	1	7			86	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ QUỐC BAO	TD1	100	1	4	4	80	65	KHOAN	Vietnamese
4	MAI VĂN HỘI	TD1	93	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	99	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1	94,92	2	6			71	KHOAN	Vietnamese
7	HOÀNG ANH TUẤN	TD1	96	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN MUI	BK8	68	1	9	1	20	68	LAM HỒNG	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HAO	BK8	02	1	5			68	LAM HỒNG	Vietnamese
10	VU VĂN CƯỜNG	BK8	01	1	11			81	LAM HỒNG	Vietnamese
11	DATSKO PAVEL	CLO	07	1	11			117	KHOAN	Russian
12	HOÀNG VĂN TRUNG	CLO	05	1	3	1	10	72	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG THANH	CLO	04	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN ANH	CLO	13-14	2	10			75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG TÂM	CLO	02	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN HỮU SƠN	CLO	01	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN BUI QUANG	CLO	03	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	CLO	11-12	2	9			63	KHOAN	Vietnamese
19	ĐÌNH QUANG CHIẾN	CLO	11	1	15			76	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN GIN	CLO	06	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN KÝ	CLO	09	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	08	1	9			60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	7	514	8	32	4	80	6		
2	BK8	3	217	3	25	1	20	0		
3	CLO	12	878	14	94	1	10	15		
TOTAL		22	1.609	25	151	6	110	21		
WEIGHT KG			1.609		151		110			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/10/2024	TO: VSP01 - P9 - TD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LTUẤN - MTHAO -	ETA: 11:40
XANH-2		MQUÂN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN MINH TRUNG	VSP01	89	1	11			77	CODIEN	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN HOANG	P9	81-82	2	9			67	XAYLAP	Vietnamese
3	LEU VĂN ĐƯỢC	P9	72-73	2	17	1	15	54	XAYLAP	Vietnamese
4	LE QUỐC THỤY	P9	78-79	2	22	1	10	63	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN CUÔNG	P9	70-71	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
6	MAI HUY HỒNG	P9	64-65	2	12			82	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	P9	66-67	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN TRUNG QUYÊN	P9	76-77	2	21			63	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM CÔNG HINH	P9	68-69	2	17			64	XAYLAP	Vietnamese
10	NGÔ NGỌC SỰ	P9	74-75	2	12			62	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH TIEN	P9	62-63	2	17			64	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN THANH QUANG	P9	80	1	14			77	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN VĂN SANG	TD1	46	1	5			64	KHOAN	Vietnamese
14	QUÁCH VĂN THẮNG	TD1	24	1	10	4	41	68	KHOAN	Vietnamese
15	NGÔ KIM NGHIỆP	TD1	45	1	12	1	18	81	CODIEN	Vietnamese
16	VÔ TÀ HOÀNG ANH	TD1	43	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	47	1	7			63	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỞNG DƯƠNG	TD1	50	1	4			93	KHOAN	Vietnamese
19	TRỊNH HUY TOÀN	TD1	49	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
20	MAI ĐẠI HẢI	TD1	48	1	10			69	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ QUANG	TD1	44	1	11			77	D-HANH	Vietnamese
22	PHAN MINH TUẤN	TD1	51	1	5			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP01	1	77	1	11	0	0	0		
2	P9	11	739	21	181	2	25	0		
3	TD1	10	726	10	73	5	59	22		
TOTAL		22	1.542	32	265	7	84	22		
WEIGHT KG			1.542		265		84			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/10/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+RC10+RP2	7:25	12+0+10	0+0+0		7+0+15	0+0+0	chuyen 1 rc10-RP2
2		P11+BK9+TD2	7:25	3+5+14	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
3		BK20+TD2+CTK3	9:25	3+5+14	0+0+0		0+3+18	0+0+0	
4		BK20+BK14+RC4	9:25	9+13+0	0+0+0		0+14+6	0+0+0	
5		P8+CNV+BK5	11:25	11+10+1	0+0+0		1+11+4	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2024	TO: CTK3 - RC10 - RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VIỆT - SƠN - MQUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM ĐỨC BÌNH	CTK3	53	1	11	4	60	80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	44	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DÂN	CTK3	54	1	12			75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG HA	CTK3	46	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3	52	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	45	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
7	HÀ MINH GIANG	CTK3	43	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU LƯU	CTK3	49	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	42	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	CTK3	47	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	50-51	2	14			82	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC HANH	CTK3	48	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BA LƯỢNG	RP2						68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HUY HUNG	RP2	82-83	2	6			70	KHOAN	Vietnamese
15	BUI NGỌC LAM	RP2	91	1	8			75	KHOAN	Vietnamese
16	VÔ VĂN HUNG	RP2	88	1	7			69	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	RP2	84	1	9			62	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG HAO	RP2	89-90	2	20			85	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	RP2	86-87	2	18			78	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ TIẾN DŨNG	RP2	81	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
21	MAI TUẤN KIẾT	RP2	85	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM HỒNG ĐIỀN	RP2	80	1	5			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	12	867	13	87	4	60	7		
2	RC10	0	0	0	0	3	31	0	1	CHUYEN 01 RC10-RP2
3	RP2	10	719	12	87	0	0	15		
TOTAL		22	1.586	25	174	7	91	22		
WEIGHT KG			1.586		174		91			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2024	TO: P11 - BK9 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: N.ANH - NAM - VŨ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN QUỐC TUÂN	P11	91	1	3	1	20	63	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN TUÂN LONG	P11	92-93	2	5			65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN XUÂN	P11	90	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
4	CAO VĂN KHA KHA	BK9	24	1	5	1	20	80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC HIỆP	BK9	26	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TUÂN	BK9	27	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGHĨA TÍN	BK9	25	1	10			78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TIẾN CUÔNG	BK9	28	1	3			60	PSV	Vietnamese
9	VANEEV DMITRIY	TD2	84	1	11	3	60	105	KHOAN	Russian
10	GROMOV SERGEY	TD2	79	1	10			84	KHOAN	Russian
11	NGUYỄN MẠNH HOÀN	TD2	85	1	3			60	KHOAN	Vietnamese
12	BUI HỮU HỒNG	TD2	88	1	4			84	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD2	81	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	80	1	3			77	KHOAN	Vietnamese
15	BUI TRUNG THỌ	TD2						69	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	83	1	5			56	KHOAN	Vietnamese
17	ĐO VĂN CUÔNG	TD2	77	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
18	TRỊNH HỒNG SƠN	TD2	78	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THĂNG	TD2	82	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	TD2	86-87	2	13			60	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	TD2	89-90	2	11			63	KHOAN	Vietnamese
22	VĂN ĐÌNH QUANG	TD2	91-92	2	11	2	15	63	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	3	190	4	13	1	20	0		
2	BK9	5	343	5	26	1	20	5		
3	TD2	14	1.027	16	91	5	75	17		
TOTAL		22	1.560	25	130	7	115	22		
WEIGHT KG			1.560		130		115			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

PC lấy ở rơ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2024	TO: BK20 - TD2 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: QVIỆT - SON - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM QUỐC TRƯỜNG	BK20	08-09	2	16			63	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG VAN HUNG	BK20	06-07	2	13	4	80	71	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN VAN TRA	BK20	04-05	2	12			84	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN THE DUNG	TD2	95	1	10			63	KHOAN	Vietnamese
5	BUI VAN QUYET	TD2	99	1	10	1	20	86	KHOAN	Vietnamese
6	QUACH THE ANH	TD2	94	1	13			67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRI CHUNG	TD2	92	1	5			54	KH-THAC	Vietnamese
8	DO THANH HAI	TD2	93	1	8			65	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG LAM	CTK3	69	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM THANH QUANG	CTK3	68	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUY HOANG	CTK3						84	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MINH TUAN	CTK3	67	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
13	LE NGUYEN NHAT LINH	CTK3						74	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM QUANG THAI	CTK3	66	1	3			85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MINH KHOI	CTK3	71	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG THIỆU THANH	CTK3	64	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
17	LE CANH HUNG	CTK3	59	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN DAN QUE	CTK3	61	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
19	LE ANH TUAN	CTK3	65	1	13			76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THIN	CTK3	60	1	15			67	KH-THAC	Vietnamese
21	CU XUAN HUY	CTK3	70	1	10			64	HVJOC	Vietnamese
22	NGUYEN TRUNG DUC	CTK3	62-63	2	10			73	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	3	218	6	41	4	80	0		
2	TD2	5	335	5	46	1	20	3		
3	CTK3	14	1.026	13	93	0	0	19		
TOTAL		22	1.579	24	180	5	100	22		
WEIGHT KG			1.579		180		100			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2024	TO: BK20 - BK14 - RC4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: N.ANH - NAM - VŨ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	BK20	800	1	17			85	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG CÔNG	BK20	33	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN MINH	BK20	22-23	2	17			84	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC THẠCH	BK20	05-06	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
5	LẠI HUY CƯỜNG	BK20	10-11	2	22			65	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN MẠNH	BK20	20	1	10	1	14	61	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY KHANH	BK20	07	1	18			72	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN THAI THANH	BK20	04	1	7			66	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VĂN SƠN	BK20	08-09	2	10	2	23	74	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG NGỌC TUNG	BK14	21	1	5	1	15	65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	BK14						80	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ANH ĐỨC	BK14	12	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ MINH ĐỨC	BK14	09	1	8			81	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	16	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN BÌNH	BK14	10	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HOANG	BK14	13	1	6			89	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HOANG AN	BK14	15	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC HÙNG	BK14	20	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ XUÂN TRƯỞNG	BK14	17-18	2	21			65	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC ANH	BK14	19	1	14			92	ANTOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	BK14	11	1	4			72	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HUY	BK14	14	1	13			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	9	639	13	130	3	37	0		
2	BK14	13	942	13	104	1	15	14		
3	RC4	0	0	0	0	2	25	6		
TOTAL		22	1.581	26	234	6	77	20		
WEIGHT KG			1.581		234		77			

GRAND TOAL: 1.892 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/10/2024	TO: P8 - CNV - BK5	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: CHIẾN - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE VAN VUNG	P8	23-24	2	12			78	PVD BAKER	Vietnamese
2	VO THANH LUAN	P8	21-22	2	12			50	PVD BAKER	Vietnamese
3	PUTTISON SIRIWECH	P8				2	25	85	PVD BAKER	Thailand
4	NATTANON INMHAI	P8				2	27	69	PVD BAKER	Thailand
5	KUSHENKO N. V.	P8	18-19	2	13	2	30	83	KH-THAC	Russian
6	IUKHIMCHUCK A.	P8	17	1	11			84	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN LE ĐĂNG QUANG	P8	03	1	14			95	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ THAI THANH	P8	01-02	2	16			76	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ANH TUÂN	P8	04	1	12			71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN VŨ	P8	20	1	10			74	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUONG	P8	15-16	2	14			72	CODIEN	Vietnamese
12	ĐO QUỐC TUNG	CNV	42	1	9			82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DINH QUYET	CNV	40	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN THAI	CNV	44-45	2	10			67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN ĐOAN	CNV	41	1	5			50	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN HAO	CNV	39	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN ĐỨC THANH	CNV	43	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
18	DINH XUAN TOAN	CNV	46-48	3	19			61	T-TIN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN MINH	CNV	49	1	17			85	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYEN ĐỨC TOAN	CNV	50-51	2	19			60	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THAO	CNV	38	1	6			79	PSV	Vietnamese
22	THAI HAI HA	BK5	98	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	11	837	14	114	6	82	1		
2	CNV	10	701	14	99	0	0	11		
3	BK5	1	62	1	5	0	0	4		
TOTAL		22	1.600	29	218	6	82	16		
WEIGHT KG			1.600		218		82			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP